

Quốc Thành là một danh hiệu khác của **NGUYỄN VIỆT AN**. Bài **QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG** được viết từ những năm đầu hoạt động Văn Hoá của tác giả, đã đăng trên các tập san An Việt và các nơi khác. Ngày giỗ Quốc Tổ năm nay, Minh Triết Việt xin scan lại từ nguồn *anviettoancau.net* để quý độc giả thưởng lãm. Vì thì giờ eo hẹp, chúng tôi không kịp đánh máy văn bản, mong quý độc giả thông cảm.

QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG

Quốc Thành

Nhân mừng 10 tháng 3 Việt lịch 4874, ngày giỗ các vị Vua Hùng, cũng là chư vị khai sáng ra Văn Lang quốc, đứng đầu giống Lạc Việt. Trong suốt giòng lịch sử đã trải qua bao thăng trầm từ quốc hiệu Văn Lang cho tới Việt Nam, con cháu các vị cũng chịu bao thử thách trước họa diệt vong, nhưng chưa bao giờ nguy khốn như hiện tại. Trong nước thì Cộng Sản đang cố xóa lấp những di tích của cha ông. Di sản văn hóa bị sửa chữa, xuyên tạc sai lệch để cho người Việt không nhận ra cội nguồn nữa. Một số chạy được ra nước ngoài thì trước nhịp sống văn minh cơ khí và duy lý Tây Âu, con dân Việt đang bị cuốn hút vào nhịp quay vật chất, không còn sức lực chống đỡ, rồi xuôi tay.

Tương lai không còn xa, con cháu Lạc Việt sẽ không biết Hùng Vương là ai nữa. Do đó nay chúng ta còn dịp họp nhau để giỗ tổ, còn viết lại ngày này, mong cố gắng tìm hiểu ý nghĩa ngày giỗ tổ với sự cẩn trọng và sâu hơn với mục đích:

- Nhớ ơn tiên nhân, và
- Bảo tồn di sản tiên tổ để lại.

Biết đâu con cháu chúng ta mai ngày có dịp đọc mà so sánh với giỗ tổ giống khác để đủ tự hào rằng tổ tiên xứng đáng với danh hiệu Hùng Vương.

ĐỀN HÙNG VÀ MỘ TỔ

Đền Hùng và mộ tổ hiện nay vẫn còn, nhưng Việt Cộng coi nơi đây là một trong những di tích lịch sử dùng phục vụ cho khách du lịch, chứ không được coi trọng như nơi thờ phượng bậc Quốc Tổ, không có ngày kỷ niệm công cộng, ngày 10-3. Nơi đền Hùng và mộ tổ không có tới nên hương tưởng niệm, khói đã lạnh, hương đã tàn!

Vị trí: Đền Hùng và Mộ Tổ nằm trên dãy Hùng Sơn, có ngọn Ngũ Lĩnh cao nhất vùng Vinh Phú (tức Vinh Yên và Phú Thọ). Tên cũ là núi Nghĩa Lương, trên núi có đền thờ xưa kia vẫn gọi là Núi Đền. Núi đền nằm trong địa phận thôn Cổ Tinh, làng Hy Cương, huyện Sơn Vi, Tỉnh Vinh Phú, Bắc Việt (trước thuộc phủ Lâm Thao, ngày xưa là Bộ Phong Châu vậy). Nếu đứng trên đỉnh Nghĩa Lĩnh hay đền Thượng nhìn xuống chung quanh sẽ thấy quang cảnh thật hùng vĩ. Dãy núi, dòng sông như những con phượng xanh chập chờn trong sương, con rồng bạc vẩy vùng uốn khúc, cũng quay đầu phủ phục vào mộ Tổ. Sông Hồng phía tây nam, sông Lô phía đông bắc gặp nhau tại Bạch Hạc, cổ đô Phong Châu đối diện với Việt Trì. Phía đông là dãy núi Tam Đảo, phía nam là núi Cánh Phượng, vì trông như con Phượng xoè đôi cánh hướng về mộ Tổ. Đây chính là núi Ba Vi còn gọi là Tản Viên thuộc Sơn Tây trên đỉnh luôn có mây trắng phủ mờ thật huyền ảo.

- Theo Hùng Triệu Ngọc Phá thì năm 208 trước tây lịch, An Dương Vương đã cho xây dựng đền này để thờ các Vua Hùng. Tới nay đã trải qua hơn hai ngàn năm, đền mộ dấu dãi nắng mưa hư hao nhiều đền nổi những nét chữ khắc vào bia đá cũng nhòa nhạt phong rêu, có chỗ không đọc rõ nữa. Tuy nhiên đền cũng được trùng tu nhiều lần, lần cuối vào quãng năm 1914-1915. Mộ và đền gồm 4 phần tính từ dưới lên trên: Đền Hạ, đền Trung, đền Thượng và mộ Tổ.

Đền Hạ: Ngày nay muốn tới đền Hùng có thể dùng xe hơi đi thẳng tới đền. Ngày xưa dùng xe lúa tới ga Kiên Cường ngay địa phận xã Hy Cương, rồi đi bộ tới gặp trước tiên là đền Hạ vì ngay dưới chân núi. Qua mấy bậc đá tới tam quan rồi vào đền thờ hai công chúa con vua Hùng Huệ Vương là Tiên Dung và Ngọc Dung. Đặc biệt ở trước đền có mạch nước từ núi chảy ra thành giếng nước trong mát, nên còn có tên gọi là **Đền Giếng**.

Đền Trung: Từ đền Hạ bước trên các bậc đá men theo sườn núi dốc thẳng sẽ dẫn ta tới đền Trung ở lưng chừng núi. Đền Trung là nơi thờ các bậc Lạc Hầu, Lạc Tướng và danh nhân thời Hồng Bàng Kỷ dựng nước Văn Lang. Trong những vị đó có Đức Thánh Gióng, tức Phù Đổng Thiên Vương, Chử Đồng Tử, Tản Viên v.v... Ngay trước cửa đền có nhà chứa các bia đá với một bia lớn chính và rất nhiều bia phụ. Tấm bia chính khắc chữ còn đọc được nhắc lại lịch sử các Đức Hùng Vương, bia phụ ghi việc xây đền cũng danh sách những vị có công giúp trùng tu đền. Nhưng cho tới nay gió mưa đã xóa nhòa không đọc được nữa. Bên cạnh đền Trung là ngôi chùa của làng Hy Cương. Cũng tại đền Trung có những gốc cổ thụ và đại thọ rất lâu đời, có các ngọn tháp thấp thấp vũng chãi rêu phong đúng thì gan cùng mưa gió.

Đền Thượng: Từ đền Trung lần theo bậc đá sẽ dẫn tới đền Thượng. Tính từ dưới đền Hạ tới đền Thượng khách thập phương phải leo tất cả 296 bậc đá rồi tới cổng tam quan có chạm lưỡng long châu nguyệt và hai bên hai vị hộ pháp. Trong sân đền có một tảng đá đen bóng vuông vức khoảng 40 phân, cao gần 2 mét có tên gọi là Thiên Ân (Án nhà trời). Rồi vào đền Thượng nằm trên đỉnh ngọn Ngã Cương nơi thờ bài vị của 18 Đức Hùng Vương.

1. Kinh Dương Vương (tức Lộc Tục).
2. Lạc Long Quân (tức Hùng Hiền Vương).
3. Hùng Quốc Vương.
4. Hùng Hoa Vương.
5. Hùng Hy Vương.
6. Hùng Huy Vương.
7. Hùng Chiêu Vương.
8. Hùng Vi Vương.
9. Hùng Định Vương.
10. Hùng Vị Vương.
11. Hùng Trịnh Vương.
12. Hùng Vũ Vương.
13. Hùng Việt Vương.
14. Hùng Anh Vương.
15. Hùng Triệu Vương.
16. Hùng Tạo Vương.
17. Hùng Nghi Vương.
18. Hùng Tuyên Vương.

Trước cửa đền có bức hoành phi với bốn chữ Việt Nam Triều Tổ. Trong đền gian chính giữa thờ 18 bài vị của các vị trên, cùng với hàng 13 chữ: **ĐỘT NGỘT CAO SON CỔ VIỆT HÙNG THỊ THẬP BÁT THÁNH VƯƠNG VỊ**. Ngoài ra còn nhiều câu đối chữ Hán, chữ Nôm nhưng đã mờ nhạt nhiều, đặc biệt có câu:

*Vật đối sao rời, phúc lộc
vẫn lưu nên cố tích,
Nước nguồn cây cội, đạo người
nên nhớ mộ Hùng Vương.*

MỘ TỔ : Mộ tổ nằm ngay cạnh đền Thượng, trong khu lòng chảo nhỏ dựa vào vách núi. Mộ phần được xây như một lăng miếu nhỏ, vững chãi uy nghi. Không rõ đích xác ngôi mộ này là mộ phần của vua Hùng thứ mấy. Lối vào mộ có khắc năm chữ "Sắc Kiền Hùng Vương Lăng" (Nghĩa là sắc xây mộ vua Hùng do Hoàng Đế Tự Đức kính đề). Mộ phần rộng vuông vức khoảng 3 thước rưỡi, cao khoảng 5 thước. Hai tầng mái lợp ngói ống, 4 góc chạm rồng. Bốn mặt có cửa, trên đắp mặt rồng. Mặt trước trồng có hai bức tường hoa thấp. Bước lên tam cấp là hai con nghê chầu hai bên. Trong lòng mộ là tấm bia đá dài hình mũi thuyền. Hai câu đối dọc được ở hai trụ cột mộ tổ là:

*Sung sung quế quế, đắc địa chi linh sơn
tôn long,
Siêu siêu hoàng hoàng, bói thiên hung
trạch đế mao tổ.*

Nhìn chung sự phối trí của ông cha ta về Đền Hùng và Mộ Tổ trên ngọn Nghĩa Lĩnh thật hài hòa tinh tế. Lối kiến trúc thấp nhưng mạnh như ngôi đình, lăng miếu xưa với hậu cảnh thâm u tạo cho ta cảm giác linh thiêng phải cung kính. Từ sân đền Thượng nhìn ra chung quanh sẽ thấy đủ trời mây, núi rừng, sông nước - tất cả hòa hợp như chấp chờn, như hư, như thực nhưng đều hướng tụ vào chôn linh địa có 19 linh vị của Quốc Tổ có công dựng nước để cháu con ghi nhớ ngàn đời.

Hội Đền Hùng

Trước kia cứ vào đầu tháng 3 Âm Lịch là làng Hy Cương mở Hội Đền Hùng kéo dài cho tới hết ngày mùng 10. Ngày hội được đồng bào các nơi tới tham dự rất đông. Có đủ tề lễ, rước kiệu và có đại

diện nhà Vua từ Kinh ra chú lễ. Ngoài ra còn đủ các trò vui cổ truyền được tả trong bài thơ sau đây của cụ Văn Toàn Dương Tư Như:

Ai ơi tới hội mà trông,
Nơi tung diều sáo, nơi trồng đu tiên,
Nào cờ, nào trống, nào đèn.
Nào xe, nào ngựa, như len chặt đường.
Leo giầy, múa rối đủ phương,
Đánh cờ treo giải là nhường vui thay.

Đây là dịp nhớ tiền nhân cũng là cơ hội cho con cháu vui chơi thỏa thích sau những ngày làm lụng cực nhọc.

VUA HÙNG VÀ VĂN LANG QUỐC

Theo sử cũ và bộ Sử Ký của Trần Trọng Kim thì các vua Hùng đã dựng nước Văn Lang ở vùng bắc và trung Việt Nam hiện nay và được chia ra 15 bộ như sau:

1. Văn Lang (Bạch Hạc, Vĩnh Yên)
2. Châu Diên (Sơn Tây)
3. Phú Lộc (Sơn Tây)
4. Tân Hưng (Hưng Hóa, Tuyên Quang)
5. Vũ Định (Thái Nguyên, Cao Bằng)
6. Vũ Ninh (Bắc Ninh)
7. Lục Hải (Lạng Sơn)
8. Ninh Hải (Quảng Yên)
9. Dương Tuyền (Hải Dương)
10. Giao Chỉ (Hà Nội, Hưng Yên, Ninh Bình, Nam Định)
11. Cửu Chân (Thanh Hóa)
12. Hoài Nam (Nghệ An)
13. Cửu Đức (Hà Tĩnh)
14. Việt Thường (Quảng Bình, Quảng Trị)
15. Bình Văn.

Hùng Vương đóng đô ở Phong Châu (bây giờ thuộc huyện Bạch Hạc tỉnh Vĩnh Yên) có tướng Văn là Lạc Hầu, tướng Võ là Lạc Tướng giúp vua cai trị dân, theo truyền thống phụ đạo là cha truyền con nối. Con

traí vua gọi là Quan Lang. Con gái là Mị Nương. Cũng theo sử thì họ Hồng Bàng có 18 đời vua. Đến năm Quý Mão 258 trước tây lịch thì họ bị nhà Thục của Tàu cướp mất nước.

Tính từ Kinh Dương Vương tức Hùng Vương thứ nhất đến Hùng Vương thứ 18 tức từ năm Nhâm Tuất 2879 đến Quý Mão 258 trước tây lịch thì Văn Lang đã trải qua 2622 năm. Như vậy đã có nhiều vua trị vì chứ không phải chỉ có 18 vị. Nhưng được thành vua Hùng thì chỉ có 18 vị trên là nổi bật hơn hết. Xin đọc Hùng Việt Sử Ca của Kim Định để rõ hơn:

*Kể từ trời mở Viêm Bang,
Trước ngang Đường Đế sau tây Noãn Nương.*

Hồng Bàng kể từ năm Nhâm Tuất nhưng Văn Lang lúc thịnh đạt thì kể ngang với Đường Đế là vua Nghiêu Thuấn (2333). Noãn Nương là vua cuối cùng của nhà Châu lên ngôi năm 314, mất năm 259, rồi Thục Phán lập ra nhà Thục 259-207 (chính thời kỳ này nhà Thục phá Văn Lang), rồi tới Triệu Đà 207-137 (trước tây lịch). Các sách sử cũ của ta chỉ bắt đầu từ Triệu Đà ... còn thời Hồng Bàng lại bỏ qua, nếu không cũng coi là huyền hoặc hoang đường (Hùng Việt Sử Ca trang 167-183).

VUA HÙNG DỰNG NƯỚC NHƯ THẾ NÀO?

Muốn tìm về cội để hiểu tổ tiên ta dựng nước ra sao, chúng ta cố gắng giữ lòng thư thái, thái độ bỏ bớt những nghi hoặc mà sách vở từ trước đã căn cứ theo cổ sử Tàu và một số nhận xét có dụng tâm của các nhà nghiên cứu Tây Phương cổ tình lung lạc, dẫn dụ ta không nhận ra đâu là bờ mốc cổ sử và ông cha ta ông cha ta chẳng làm nên điều gì cho con cháu theo

cải làm như vậy với mục đích mong ta đời đời không nhận ra nguồn cội và luôn lệ thuộc vào bên ngoài, và bắt nguồn từ bên ngoài ngay cả cổ sử. Lòng thư thái để ta không quá vu khoát, tỏ vẻ về giòng giống, không khẳng định chắc nịch, cũng không gán ghép vô căn. Nhưng để ta cố nhìn cần trọng cho soi rọi con đường về nguồn sáng tỏ. Mong về nguồn tới nơi tới chốn. Làm như vậy để khỏi phụ lòng Tổ Tiên kỳ vọng vào các hậu duệ.

Tới nay chúng ta đã có những cách thức khác nhau để tìm hiểu về những thời đại xa xưa, như khoa tân nhân văn, khảo cổ, nhân chủng, ngôn ngữ học v.v... Ta biết rằng chúng ta thuộc một dòng giống của Bách Việt, sinh sống xưa kia tận lưu vực sông Hoàng Hà (Trung Quốc). Thoát thân từ thời đại đồ đá tới săn hái, rồi bắt đầu hình thành thị tộc. Những thức ăn hiểm dần vì con người mỗi ngày một đông, từ đó bắt phải từ bỏ săn hái để tự làm ra thức ăn nuôi thân. Đó là thời kỳ bắt đầu vào nông nghiệp, chăn nuôi, làm nhà, dệt áo ... mà tổ thời kỳ này là những nhân vật lịch sử như Thần Nông, Phục Hy, Nữ Oa. Đó cũng là khúc quanh lớn. Các nhà khảo cổ đặt là thời đại đá mới. Khi bắt đầu vào nông nghiệp, mà miền này là ruộng nước hợp với lúa Mễ. Từ đây nảy sinh ra nhiều vấn đề cho đời sống tinh thần, đời sống vật chất và khi đáp ứng lẫn những nhu cầu này cũng là tượng hình văn hoá nông nghiệp lúa Mễ.

Từ phương bắc có những bộ tộc chuyên sống du mục, mạnh về võ lực tới xâm chiếm Bách Việt, nhiều nhóm trong Bách Việt bị đồng hóa nhưng có Lạc Việt lui dần về tận phương Nam lập nước mới với tên Văn Lang. Văn Lang Quốc trải rộng từ khoảng hai tỉnh Quảng Đông Quảng Tây bên Tàu tới miền trung Việt Nam hiện nay, gồm 15 bộ có tên liệt kê ở trên. Đặc biệt Văn Lang được dựng xây với tiêu hướng văn trị, tức lấy tình người đời

xử với người chứ không đặt nặng về vật chất, võ lực. Mỗi giếng xã tắc có ngũ luân. Giữa vợ chồng thì nghĩa tình, cha con thì hiếu, vua tôi thì lễ, anh em thì đễ (nhường nhịn) và bạn bè thì tín. Cái cách dạy tình người ấy lại được nuôi dưỡng trong môi sinh xã hội có tự do và bình sản (chế độ công điền công thổ) nên con người sống no tròn cả về tinh thần lẫn vật chất. Cũng nên nhắc lại ngũ luân của Văn Lang khác với thứ bậc ngũ luân của Tàu. Tàu để quân thần, phụ tử, phu phụ ... đặt quân lên đầu là ngả sang võ trị chứ không còn văn trị nữa. Nhờ tự do bình sản nên con người không bị trói buộc, nô lệ vào bất cứ quyền lực nào, dù là thần quyền để con người được thông dong, tự tại, tự chủ lấy chính bản thân mình và sống cho ra người (Nhân chủ). Muốn vậy thì con dân ai cũng bình đẳng, cũng có miếng đất để cấy cấy làm ra lúa gạo có cái ăn, có miếng đất để làm nhà, nên công điền công thổ được chia đều và ai cũng có quyền tham dự vào tài sản làng nước. Đến 60 tuổi bắt luận quan dân, ai cũng được vào hội đồng kỳ mục quản trị làng xã. Không ai giấu ba họ, không ai khó ba đời.

Muốn dựng xây một nước văn trị như vậy thì phải có con người Đại Ngã Tâm Linh. Hùng Vương quả đúng như thế. Tổ tiên là mẫu người điển hình mà Việt Nho quan niệm là nơi hội tụ của Đức Trời và Đức Đất. Vì tiêu biểu cho cả trời lẫn đất nên Hùng Vương có Cha Rồng và Mẹ Tiên (Rồng chỉ đất, Tiên chỉ trời). Rồi đến ngày sinh cũng đúng vào mùng Mười tháng Ba, cùng vào ý đất trời lưỡng hợp. Mùng Mười là Thập Thiên Can chỉ đức trời, còn tháng ba là cung Dân chỉ đức đất. Chính cung Dân là biểu tượng mạnh nhất trong 12 con giáp. Hồ mới đủ mạnh để bao hàm cả hai Đức trên, để rồi có vượt lên trên đứng ngang với trời cùng đất, trong thế tam tài Thiên Địa Nhân của vũ trụ. Tới nay qua chứng tích

ghi trên ngạp vào mặt trống, vào huyền sử, vào các cổ nghệ, phong tục, tập quán, rồi bánh dày, bánh chưng... Tất cả cho ta nhìn thấy toàn bộ đời sống tâm linh và xã hội mà con người Việt tộc được sống trong nước Văn Lang trải dài trên dưới hai ngàn năm lịch sử. Con dân vua Hùng được sống cân đối hòa hợp, lấy đạo vương tròn để đời xử, cai trị nên muôn dân như con một nhà cùng hưởng an vui thanh bình.

Cũng thời kỳ đó trong nhân loại nói chung, văn hóa đều xây trên bạo lực, bóc lột trong tinh thần du mục, như Ấn Độ, Âu Tây đâu đâu cũng chia đẳng cấp, chủ và nô, đối nghịch hẳn với Văn Lang. Xem như vậy mới thấy công đức cha ông ta to lớn và siêu việt là dường nào.

HÙNG VƯƠNG HAY LẠC VƯƠNG?

Sở dĩ phải nêu câu hỏi trên vì cho tới nay một số người dùng chữ Lạc Vương thay cho Hùng Vương. Trong đó có cả một lãnh tụ một liên minh chính trị, xây dựng lý thuyết cho Đảng với kỳ vọng trong tương lai giải phóng được quê hương khỏi ách cộng sản để xây dựng một nước Việt Nam độc lập và dân bản. Trong những chương đầu viết về cương vực và thời điểm lập quốc của Việt tộc, tác giả lặp lại đúng quan điểm của học giả người Pháp Henri Maspero và cố sử Tàu cho là Lạc Vương mới đúng chứ không phải là Hùng Vương. Lý luận dễ dãi cho rằng Lạc Vương là chỉ vua giống Lạc Việt. Điểm khác, ông xác định nước Văn Lang được thành lập vào khoảng đầu thế kỷ thứ 7 trước tây lịch, chứ không phải 27, 28 thế kỷ trước tây lịch. Như vậy Việt Nam chỉ còn hơn hai ngàn năm lịch sử (không có văn hiến), chẳng phải bốn ngàn năm văn hiến như ta thường nhận.

Chúng tôi thấy rằng để trả lời Hùng hay Lạc thì triết gia Kim Định đã viết rất minh bạch, khúc triết về cả hai phương diện ngôn ngữ và triết học để giải Hùng hay Lạc trong cuốn Hùng Việt Sử Ca (phụ trương 1, trang 229), thiết tưởng chúng tôi không phải nhắc lại nữa. Chỉ ngậm ngùi rằng mộ tổ còn kia, đền thờ với bia đá còn đó vẫn tro tro thì gan cùng tuế nguyệt, chúng ta không chịu tìm hiểu và suy xét tận tường những chỗ uẩn khúc, tế vi mà chỉ tin vào những bộ sách, lời nói của những tên thực dân, bọn cướp nước để xác quyết về non sông, tổ phụ. Với căn bản tương lai sẽ đưa dân tộc về đâu? Vì chính mình đã phá hủy cái cốt lõi nền văn hóa Việt tộc rồi thì lấy văn hóa nào đây làm lý tưởng phục quốc. Tàu, Tây, Nga, Mỹ, hay Nhật chẳng?

Nhân đây chúng tôi chỉ viết lại đôi dòng về ý nghĩa và chiều sâu của chữ Hùng Vương.

Chúng ta biết trong thời kỳ Hùng Vương dựng nước nông nghiệp Văn Lang, thì đồng thời ở các nơi khác trong nhân loại như Babylon, Assyria, Egypte ... cũng hình thành xã hội LÝ của du mục, tôn trọng pháp luật nghiêm minh, lấy chiến tranh chính phục làm lẽ sống, lấy bóc lột làm quốc sách. Các tù trưởng hoặc Vua thì được đề cao, bắt dân tôn thờ như thần thánh. Hùng Vương của nước Văn Lang không vậy. Trị quốc bằng uy tín lãnh đạo, do lòng dân quy phục kính ngưỡng bằng tình thân. Vua như vậy gọi là vua Hùng. Còn dân vẫn giữ được tự do nhân vị của mình không bị nô lệ, tha hóa như sự vật. Đây là lối văn trị. Hơn nữa văn hóa nông nghiệp đặt nền tảng trên gia đình, giòng tộc, tức gắn liền tình với nhau nên nội dung còn đẹp hơn dân chủ bây giờ vì lấy tình nhà làm mẫu nước. Có cả chiều ngang, chiều dọc lẫn chiều sâu hay đạo vuông tròn cũng vậy.

Riêng chữ HÙNG thì cũng phải vượt qua nghĩa thường như Hùng Dũng, anh hùng trong việc làm ... đó là những luân lý vòng ngoài, còn chính Hùng là đã thắng được chính mình. Bớt có thắng được mình, mới nắm được vận mạng mình để tự đạo, tự đạt. Cự thắng này mới khó hơn bất cứ cái thắng nào. Khi đã thắng và làm chủ được mình thì sẽ vượt lên bậc nhân chủ để không ý lệ vào trời hay đất. Có vậy mới không ngã sang duy vật. Một chi tiết quan niệm về siêu hình để cho rõ HÙNG ra sao:

Trước kia sông núi, loài người cho là chỗ ở của thần linh. Riêng Việt tộc thì núi là nơi ở của Tiên Mẫu gọi là Phong Châu. Còn sông nước thì thành nơi ở của Long Phụ, phụ mẫu gặp nhau trên cánh đồng Tương để sinh ra Hùng. Như vậy sông núi không còn ở dợt bái vật đề nặng lên con người mà nó trở thành thần thiết, cho nên bốn chữ "giòng giòng Tiên Rồng" đã ẩn tàng sử trình đi lên nấc thang nhân chủ, người Hùng của Việt tộc là vậy.

Chính Hùng Vương ở ý nghĩa này nên sáng lập ra lối nhân trị dựa trên đức tính rất người. Do đó học giả Fairbank khen là: "con người có nhân cách, một kẻ sĩ mẫu mực xuất hiện đầu tiên trên mặt đất". (Transformation of man. Edit Harper and Row NY.1965 Pg 72). Chúng ta giờ ở thế kỷ 20 khi nhìn lại thời kỳ cách đây 3, 4 ngàn năm, khi con người còn ở thời kỳ cổ sơ, chưa có văn minh cơ khí, khoa học chưa phát triển, cái nhìn còn thu hẹp ở một khoảng không thời và địa phương nhất định mà ông cha ta đã có ý nghĩ, suy tư để tìm được đường đi siêu việt như vậy thì quả thật lạ lùng hiếm hoi.

Để kết luận

Chúng tôi quan niệm rằng, chúng ta con dân Việt, hiện đang đứng trước tình huống diệt vong nghiêm trọng bởi hai thể lực cộng sản duy vật và duy lý tây phương. Con đường sống còn là phải tìm về cội nguồn. Đường về bị bụi thời gian che phủ; bị người xuyên tạc đèn nôi chính các nhà trí thức, những người yêu nước vẫn theo và tin rằng mình đang giúp giống nòi.

Thường thì ta nhìn trình sử Việt theo khía cạnh sử quan của biên cố. Người nọ đọc sách người kia rồi cứ đó mà y cứ, không dám suy luận ra nữa. Cũng vì nhìn theo sự hàng ngang biên cố đặt nặng công cuộc GIỮ NƯỚC, như khi nói tới sử thì chỉ kể tới triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần ... cùng các vị đã có công chống xâm lăng. Các sách sử và người chép sử coi rất nhẹ hoặc không tìm ra dấu vết cố sử ở đâu. (Vị đã bao lần bị cướp đoạt đem về Tàu hủy diệt) nên viết DỮNG NƯỚC chỉ nói phớt qua. Có sách viết thế này, sách viết thế kia mù mờ hoang đường sai lệch, không biết sao thống nhất nữa.

Vạn sự khởi đầu nan. Việc dựng nước chính là dựng nòi, gây giống, chính là cái NHÂN tượng hình ra văn hóa Việt. Cái nhân đó đã hội tụ được nền Minh Triết Việt Nho tức nền triết lý nhân sinh ơn ích cho con cháu Lạc Việt sinh sống yên vui cả hai ba ngàn năm sau. Cũng từ nhân đó đã sản sinh bao anh hùng giữ nước làm bạt vía giặc xâm lăng và từ nhân đó nòi giống ta mới chóng đở được mộng đồng hóa cả chiều dài hàng ngàn năm đó hộ, cho tới bây giờ có người Việt hôm nay.

Nhân loại hiện tại đã trải qua bao thời đại, qua nhiều triết lý nhưng không đâu có nền Minh Triết hài hòa như ở Văn Lang.

Chúng ta muốn về nguồn tạo lý tưởng sống cho tương lai thì bắt buộc ta phải suy tư nghiên cứu, cùng nhau góp công góp sức. Muốn nghiên cứu thì phải dùng phương tiện của thời đại mới như dùng khoa khảo cổ, ngôn ngữ, xã hội học ... thì mới tìm ra ánh sáng chân thực được. Buồn thay, nhiều người cho công việc này là vô ơn ích, lắm cấm, chỉ có hiện tại và tương lai mới đáng để ý. Họ viết "... ta sẽ không thể xây dựng trận tuyến văn hóa để đấu tranh với kẻ thù của văn hóa bằng những sao lục cổ nhân. Hay tệ hơn thế, bằng cách tranh luận dằng dãi về những nét văn trên Trống Đồng Ngọc Lũ ..." Thử hỏi họ xây dựng trận tuyến văn hóa bằng nguồn lý tưởng nào? và hiện tại đưa tương lai ta tới đâu?!

Nhân ngày giỗ tổ mừng 10 tháng 3 năm nay, chúng ta khẩn vọng về quê hương xin ân đức Hùng Vương độ trì cho con dân Việt lưu lạc sớm trở về nơi Đất Tổ, dựng xây mộ Việt Nam với tinh thần Văn Lang bên trời Đông Á, để gìn giữ mẫu người, mẫu nước mà Quốc Tổ Hùng Vương để lại cho con cháu Lạc Việt vậy.

QUỐC THÀNH

SÁCH THAM KHẢO

- *Hùng Việt Sử Ca* - Kim Định
- *Việt Nam Sử Lược* - Trần Trọng Kim
- *Hội Hề Đinh Đám* - Toan Ánh
- *Dân Tộc Việt Nam Trong Cuộc Đấu Tranh Cho Nền Độc Lập Và Tự Do Của Minh* - Nguyễn Ngọc Huy.
- *Nhân Văn* - số 31